

Hệ quả:

Mặt phẳng phân giác của góc nhị diện cạnh AB cắt

tứ diện theo thiết diện có diện tích $S = \frac{2S_1S_2}{S_1+S_2} \cos \frac{\alpha}{2}$

Chứng minh:

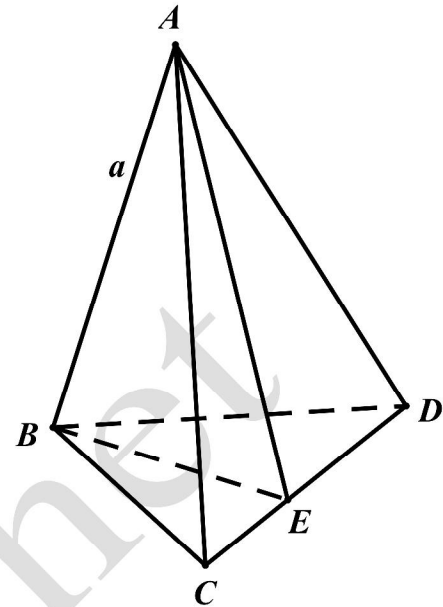
Gọi E là giao điểm của mặt phẳng phân giác của góc nhị diện cạnh AB, ta có

$$V_{ABCD} = V_{ABEC} + V_{ABED}$$

$$\Leftrightarrow \frac{2S_1S_2 \sin \alpha}{3a} = \frac{2S_1S \sin \frac{\alpha}{2}}{3a} + \frac{2S_2S \sin \frac{\alpha}{2}}{3a}$$

$$\Leftrightarrow 2S_1S_2 \cos \frac{\alpha}{2} = (S_1 + S_2)S \Leftrightarrow S = \frac{2S_1S_2 \cos \frac{\alpha}{2}}{S_1 + S_2}$$

(đpcm).



3.2. Thể tích tứ diện ABCD là $V = \frac{1}{6} AB \cdot CD \cdot d \cdot \sin \varphi$

, trong đó d là khoảng cách giữa hai đường thẳng AB và CD, φ là góc giữa chúng.

Chứng minh:

Dựng hình hộp AEBF.CMDN ngoại tiếp tứ diện ABCD (như hình vẽ).

Ta có $EF \parallel CD$ nên $(AB, EF) = (AB, CD) = \alpha$.

Vì AEBF là hình bình hành nên

$$S_{AEBF} = \frac{1}{2} AB \cdot EF \sin \alpha = \frac{1}{2} AD \cdot CD \sin \alpha$$

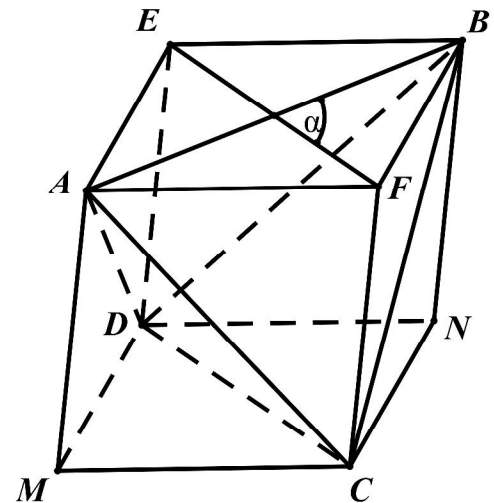
Do đường cao của hình hộp là

$$h = d((AEBF), (CMDN))$$

$$= d(AB, CD) = d$$

nên thể tích khối hộp là $V_{hh} = \frac{1}{2} AD \cdot CD \cdot d \sin \alpha$.

Để thấy $V_{ABCD} = \frac{1}{3} V_{hh} = \frac{1}{6} AB \cdot AD \cdot d \sin \alpha$ (đpcm).



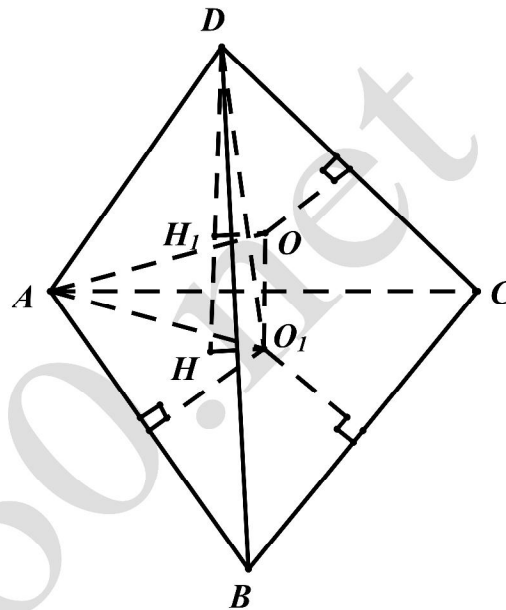
3.3. Gọi S_i, R_i và l_i ($i=1,4$) là diện tích các mặt, bán kính đường tròn ngoại tiếp các mặt đó và khoảng cách từ tâm các đường tròn đó đến các đỉnh đối

diện của tứ diện thì
$$V = \frac{1}{3} \sqrt{\frac{\sum_{i=1}^4 S_i^2 (l_i^2 - R_i^2)}{2}}$$

Chứng minh:

Trước tiên ta xét tâm mặt cầu ngoại tiếp nằm trong tứ diện.

Gọi R_1, h_1, l_1, d_1 lần lượt là bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác ABC , đường cao DH , và khoảng cách từ tâm đường tròn ngoại tiếp tam giác ABC đến d . Gọi O, O_1 lần lượt là tâm mặt cầu và tâm đường tròn ngoại tiếp tam giác ABC , H_1 là hình chiếu của O trên DH . Đặt $OO_1 = d_1$ và R là bán kính mặt cầu.



Ta có $O_1H^2 = O_1D^2 - DH^2 = l_1^2 - h_1^2$

$OH_1^2 = OD^2 - DH_1^2 = R^2 - (h_1 - d_1)^2$

$R^2 - d_1^2 + 2h_1d_1 - h_1^2$. Vì $O_1H = OH_1$

nên $R^2 - d_1^2 + 2h_1d_1 - h_1^2 = l_1^2 - h_1^2 \Leftrightarrow l_1^2 - R^2 + d_1^2 = 2h_1d_1$.

Lại có $R^2 - d_1^2 = OA^2 - OO_1^2 = AO_1^2 = R_1^2$ nên $l_1^2 - R_1^2 = 2h_1d_1$.

Tương tự $l_i^2 - R_i^2 = 2h_i d_i$ ($i=2,3,4$).

Do đó
$$\sum_{i=1}^4 S_i^2 (l_i^2 - R_i^2) = \sum_{i=1}^4 2S_i^2 h_i d_i = \sum_{i=1}^4 2(S_i h_i)^2 \left(\frac{d_i}{h_i}\right) = \sum_{i=1}^4 18V^2 \left(\frac{d_i}{h_i}\right)$$

Mà $\sum_{i=1}^4 \frac{d_i}{h_i} = 1$ nên
$$V = \frac{1}{3} \sqrt{\frac{\sum_{i=1}^4 S_i^2 (l_i^2 - R_i^2)}{2}}$$
.

Cho tứ diện $ABCD$ có thể tích V và bán kính mặt cầu ngoại tiếp tứ diện bằng R . Chứng minh rằng $AB.CD; AC.DB; AD.BC$ là số đo ba cạnh của một tam giác nào đó. Gọi S là diện tích tam giác đó. Chứng minh $S = 6VR$ (công thức Crelle)

Chứng minh:

Gọi O là tâm mặt cầu ngoại tiếp tứ diện $ABCD$ và A' là điểm đối xứng của A qua O . H là trung điểm của AO . Gọi (P) là mặt phẳng qua H và vuông

góc với AO , B', C', D' lần lượt là giao điểm của (P) với AB, AC, AD . Ta có các

tam giác vuông AHB', ABA' đồng dạng nên $\frac{AB'}{AH} = \frac{AA'}{AB} \Rightarrow AB \cdot AB' = AH \cdot AA'$

$$= \frac{1}{2} R \cdot 2R = R^2 \Rightarrow AB \cdot AB' = R^2.$$

Tương tự ta có: $AC \cdot AC' = AD \cdot AD' = R^2$

$$\Rightarrow AB \cdot AB' = AC \cdot AC' = AD \cdot AD'$$

$$\Rightarrow \triangle ABC \sim \triangle A'B'C'$$

$$\Rightarrow B'C' = \frac{BC \cdot AC'}{AB} = \frac{BC \cdot AC' \cdot AC \cdot AD}{AB \cdot AC \cdot AD} = \frac{AD \cdot BC \cdot R^2}{AB \cdot AC \cdot AD}$$

$$\Rightarrow \frac{B'C'}{AD \cdot BC} = \frac{R^2}{AB \cdot AC \cdot AD}.$$

Tương tự ta có:

$$\frac{B'C'}{AD \cdot BC} = \frac{C'D'}{AB \cdot CD} = \frac{D'B'}{AC \cdot DB} = \frac{R^2}{AB \cdot AC \cdot AD}$$

Vậy là 3 cạnh của một tam giác đồng dạng với tam giác $A'B'C'$.

$$\text{Ta có } \frac{S}{S_{\triangle B'C'D'}} = \left(\frac{AB \cdot AC \cdot AD}{R^2} \right)^2$$

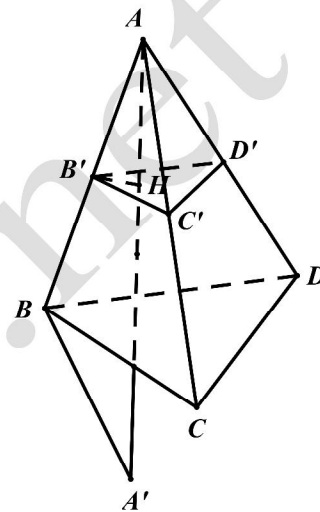
$$\Rightarrow S = \left(\frac{AB \cdot AC \cdot AD}{R^2} \right)^2 S_{\triangle B'C'D'} = \left(\frac{AB \cdot AC \cdot AD}{R^2} \right)^2 \cdot \frac{3V_{A.B'C'D'}}{AH}$$

$$= 6 \frac{(AB \cdot AC \cdot AD)^2}{R^5} \cdot \frac{V_{A.B'C'D'}}{V_{A.BCD}} \cdot V_{ABCD} = 6 \frac{(AB \cdot AC \cdot AD)^2}{R^5} \frac{AB' \cdot AC' \cdot AD'}{AB \cdot AC \cdot AD} \cdot V$$

$$= 6 \frac{(AB \cdot AB')(AC \cdot AC')(AD \cdot AD')}{R^5} V = 6 \frac{R^6}{R^5} V = 6VR.$$

4. Định lí sin trong tứ diện

Cho tứ diện $ABCD$, có $AB = a, BC = b, CD = c, DA = d, AC = e, BD = f$ Gọi $\alpha, \beta, \gamma, \delta, \varphi, \lambda$ lần lượt là góc nhị diện các cạnh AB, BC, CD, DA, AC, BD



$$\text{thì } \frac{ac}{\sin\alpha \sin\gamma} = \frac{bd}{\sin\beta \sin\delta} = \frac{ef}{\sin\varphi \sin\lambda}$$

Chứng minh:

Đặt S_i ($i = 1, 4$) lần lượt là diện tích các mặt đối diện với các đỉnh A, B, C, D.

$$\text{Ta có } V = \frac{2S_3 S_4 \sin\alpha}{3a} \quad \text{và} \quad V = \frac{2S_1 S_2 \sin\gamma}{3c}$$

$$\Rightarrow \frac{4S_1 S_2 S_3 S_4 \sin\alpha \sin\gamma}{9ac} = V^2$$

$$\Rightarrow \frac{ac}{\sin\alpha \sin\beta} = \frac{4S_1 S_2 S_3 S_4}{9V^2}.$$

Tương tự

$$\frac{bd}{\sin\beta \sin\delta} = \frac{4S_1 S_2 S_3 S_4}{9V^2} \quad \frac{ef}{\sin\varphi \sin\lambda} = \frac{4S_1 S_2 S_3 S_4}{9V^2}$$

$$\text{Vậy } \frac{ac}{\sin\alpha \sin\gamma} = \frac{bd}{\sin\beta \sin\delta} = \frac{ef}{\sin\varphi \sin\lambda}.$$

